TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2026/HS-ST
Ngày: 07-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Lê Thị Thu Thảo** – Nguyên thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
+ Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Khánh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bích Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phan Mộng T - Sinh ngày 24.02.2004 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: F Q, phường A, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Số C A, phường A, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Mộng N (sinh năm: 1979) và bà: Phạm Thị Thúy H (sinh năm: 1984); Chồng con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 10.11.2025. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Viết P - Sinh ngày 09.5.2007 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã C, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: P, A T, phường H, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp; Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Viết B (sinh năm: 1984) và bà: Cao Thị Bích N1 (sinh năm: 1982); Vợ con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 10.11.2025, sau đó chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình V - Sinh ngày 03.3.2006 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã C, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: 3 Hải Phòng, phường T, TP Đà Nẵng; Nghề

nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình N2 (sinh năm: 1973) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1980); Vợ con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 11.11.2025, sau đó chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Minh T1 - Sinh ngày 07.7.2004 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Xã I, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: P, A T, phường H, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm: 1976) và bà Phan Thị Thu T3 (sinh năm: 1972); Vợ con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 11.11.2025, sau đó chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Lan A - Sinh ngày 20.11.2008 tại TP Cần Thơ (Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 21 ngày); Nơi ĐKNKTT: 222/2 Lương Phú B1, xã C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Số A A, phường N, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ và bà Trần Thị Q (sinh năm: 1984); Chồng con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 10.11.2025, sau đó chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Công Hoàng P1 - Sinh ngày 26.02.2009 tại thành phố Đà Nẵng (Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 15 ngày); Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn N3 (sinh năm: 1977) và bà Nguyễn Thị Trúc L (sinh năm: 1975); Chồng: Chưa: Con: 01 con, sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Lan A:* Bà Trần Thị Q (mẹ); cùng trú tại: Số A A, phường N, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Công Hoàng P1:* Ông Nguyễn Tấn N3 – sinh năm 1977 (Cha) và bà Nguyễn Thị Trúc L – sinh năm 1975 (mẹ); trú tại: Thôn A, xã T, TP Đà Nẵng. Ông N3, bà L có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Lan A:* Bà Võ Thảo N4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công Hoàng P1:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh N5 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 01 thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị M – sinh năm 2002; địa chỉ: Số A, thôn M, xã H, TP Hà Nội. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu L1 – sinh năm 1999; địa chỉ: Số A N, ấp B, xã C, TP Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Anh Phan Ngô Vũ H2 – sinh năm 2009; địa chỉ: Tổ B, thôn A, xã T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Công ty cổ phần V1; địa chỉ: Đường D, KCN P M, phường T, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T4 – Chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị L2 – sinh năm 1995; địa chỉ: Số E N, phường S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Bà Trần Thị Xuân H3 – sinh năm 1998; địa chỉ: P chung cư M, phường A, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đăng K – sinh năm 2005; địa chỉ: Số A T, phường H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Đại diện UBND phường N, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Đại diện UBND xã T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 10/11/2025, khi đang ăn uống tại quán F trên đường T, thành phố Đà Nẵng, Phan Viết P rủ Nguyễn Đình V sử dụng ma túy, V đồng ý. P liên hệ với Phan Mộng T thông qua ứng dụng Messenger để mua 01 hộp 5 ma tuý Ketamine và 02 viên ma tuý thuốc lắc, T báo giá 6.600.000 đồng. P đồng ý và chuyển khoản cho T, sau đó P đưa thông tin chuyển khoản thành công cho V xem để V biết P đã đặt mua ma túy và biết số tiền đặt mua để góp tiền trả tiền mua ma tuý cho P sau. Sau khi nhận chuyển khoản của P, T liên hệ với một đối tượng R (không rõ nhân thân, lai lịch) qua ứng dụng Zalo đặt mua 12 viên thuốc lắc và 01 hộp 5 ma tuý Ketamine giá 5.500.000 đồng, thanh toán thông qua ma QR do Rym cung cấp và hẹn giao ma túy gần khu vực phòng trọ của T tại C A, phường A, thành phố Đà Nẵng. Lát sau, có nam thanh niên ma ma tuý đến vứt dưới đất tại địa chỉ trên rồi Rym liên lạc chỉ vị trí cho T ra nhận. T đi ra nhặt ma tuý đem lên phòng, mở ra lấy 02 viên thuốc lắc với gói ma tuý Ketamine mang theo, cất lại 10 viên thuốc lắc trong hộc tủ gỗ. T hẹn P để giao ma túy thì P rủ T đến phòng 602 để cùng sử dụng ma túy, T đồng ý. Ngoài ra P có liên lạc với Trần Lan A qua ứng dụng Tiktok rủ đến phòng trọ sử dụng ma túy, Lan A đồng ý. Lúc này, Lan A đang đi cùng Nguyễn Công Hoàng P1 nên nói với P có thêm 01 bạn nữ thì P nói rủ đi cùng.

Sau khi nhận ma túy, P và T mang về phòng, lúc này trong phòng có V, Lan A, P1 và Nguyễn Minh T1 (bạn ở cùng phòng trọ với P). Cả nhóm 06 người lên gác lửng, P đi xuống bếp lấy 01 đĩa sứ màu trắng lên, bỏ gói ketamine và 02 viên thuốc lắc ra nệm và đổ ma tuý ra đĩa, dùng bật lửa hơ nóng dưới đáy đĩa và dùng thẻ sinh viên của P "xào" Ketamine. P1 cầm 02 viên ma túy thuốc lắc bẻ ra thành nhiều mảnh rồi bỏ ra nệm để mọi người tự lấy sử dụng, riêng V và T1 không sử dụng thuốc lắc. P đưa tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng cho P1 để P1 quấn thành ống hút cho cả nhóm hít ma tuý Ketamine. Sau khi P xào ma túy ketamine xong thì P bỏ ra giữa cho mọi người tự lấy sử dụng. Quá trình sử dụng, khi thấy hết các đường kẻ trong đĩa ketamine, T1 cầm đĩa ketamine lên dùng thẻ nhựa kẻ thành nhiều đường thẳng nhỏ rồi đặt xuống cho mọi mọi người tự lấy sử dụng. Đến khoảng 07h00 cùng ngày, khi vừa hết ma túy thì T1 và V rời khỏi phòng đi thi. Do hết ma túy nên T khởi xướng mua ma túy để tiếp tục sử dụng. Lúc này không ai còn tiền nên P hỏi mượn cái lắc tay bằng vàng của Lan A để đi cầm lấy tiền mua ma túy, Lan A đồng ý. Sau đó, P và Lan A đi cầm lắc vàng của Lan A được 3.500.000 đồng, P đưa cho T 3.000.000 đồng. T liên hệ với R đặt nửa hộp 5 ma tuý Ketamine và 02 viên ma tuý thuốc lắc, Rym báo giá 3.600.000 đồng và gửi mã QR qua. T góp thêm 600.000 đồng và thanh toán tiền mua ma tuý cho R. Đến khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, R nhắn lại đã vứt ma túy tại đường T, phường H. T và P đi bộ đến đường T thấy một bì thư giấy chứa ma tuý nằm ở góc tường, T nhặt và cất túi quần rồi cả hai đi bộ về phòng 602. Khi P và T vừa đi vào phòng để chuẩn bị tổ chức sử dụng ma tuý thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- Tại vị trí trên gác lửng của căn phòng:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 18 cm, trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, nghi là ma túy; trên đĩa có 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, có bám dính chất bột màu trắng, nghi là ma túy; 01 (một) thẻ sinh viên đại học D2 tên Phan Viết P, niêm phong ký hiệu D;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ;

+ 01 (một) loa màu đen;

+ 01 (một) laptop hiệu Asus, màu xám đen;

Kiểm tra trong túi quần bên phải của Phan Mộng T phát hiện 01 (một) bì thư giấy, bên trong bì thư có 01 (một) gói ni lông trong suốt kích thước (7,5 x 4 cm), bên trong chứa 02 (hai) viên nén màu xanh, nghi là ma túy và 01 (một) gói ni lông trong suốt kích thước (3 x 4) cm, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy, niêm phong ký hiệu là M (M1 và M2).

- 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 351687740433676 của Phan Mộng T.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 35883259895603 của Nguyễn Công Hoàng P1.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 353094102327125 của Phan Viết P.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 359944958980027 của Trần Lan A.

Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phan Mộng T tại phòng thứ hai, tầng 4, căn hộ S A, phường A, thành phố Đà Nẵng. Phát hiện thu giữ tại hộc tủ ở góc trong bên trái phía dưới của tủ đứng bằng gỗ màu nâu: 01 túi ni lông trong suốt, kích thước khoảng (8 x 4) cm, bên trong có chứa 10 viên nén màu xanh, hình dạng không xác định, nghi là ma túy, được niêm phong, ký hiệu: T. Kết quả điều tra xác định, mục đích T tàng trữ số ma túy này để bán kiếm lời.

Qua test nước tiểu Phan Mộng T, Phan Viết P, Trần Lan A đều cho kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA, KET, MET, AMP; Nguyễn Công Hoàng P dương tích với chất ma tuý, loại MDMA, KET, MET. Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Đình V dương tính với chất ma túy, loại KET.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Công Hoàng P1 (sinh ngày: 26/02/2009 - chưa đủ 18 tuổi) nhưng có một con gái tên Nguyễn Ngọc Bảo A1, sinh ngày: 10/6/2024 (P sinh Bảo An lúc đó chưa đủ 16 tuổi). Bảo A1 là con của P1 và Phan Ngô Vũ H2 (sinh ngày: 16/06/2009; HKTT: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng), cả hai khi quan hệ tình dục đều chưa đủ 16 tuổi và quan hệ tình nguyện, không bị ép buộc.

Theo Kết luận giám định số 1334/KL-KTHS ngày 18/11/2025 của Phòng K1, Công an thành phố Đ kết quả giám định:

- Chất bám dính trên bề mặt đĩa sứ; trong 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và trên bề mặt thẻ sinh viên mang tên Phan Viết P niêm phong trong bì thư ký hiệu D gửi giám định là ma tuý, loại Ketamine. Không xác định được khối lượng mẫu chất bám dính trên các vật dụng trên.

- Chất rắn dạng tinh thể ký hiệu M2 gửi giám định là ma tuý loại Ketamine; khối lượng mẫu M2: 1,464 gam.

- 02 viên nén màu xanh ký hiệu M1, 10 viên nén màu xanh ký hiệu T gửi giám định là ma tuý loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine; khối lượng mẫu M1: 0,711 gam; mẫu T: 3,522 gam.

- Trong mẫu nước tiểu thu của Phan Mộng T ký hiệu TR, Phan Viết P ký hiệu P, Trần Lan A ký hiệu LA gửi giám định có tìm thấy chất ma túy loại MDMA và các chất Norketamine, D1 là các sản phẩm chuyển hóa của chất ma tuý Ketamine.

- Trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Công Hoàng P1 ký hiệu HP, Nguyễn Đình V ký hiệu V, Nguyễn Minh T1 ký hiệu T gửi giám định có tìm thấy các chất Norketamine, D1 là các sản phẩm chuyển hóa của chất ma tuý Ketamine.

Theo Kết luận giám định số 2414/KL-KTHS ngày 15.01.2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Nguyễn Ngọc Bảo A1 là con đẻ của Nguyễn Công Hoàng P1 với Phan Ngô Vũ H2 (sinh ngày: 16/6/2009; HKTT: Thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng). (Bút lục số: 43)

Dữ liệu điện tử thu giữ: Qua kiểm tra điện thoại của T, thu giữ các lịch sử tin nhắn qua Messenger trao đổi về việc mua ma tuý và rủ sử dụng ma tuý của P đối với T, tin nhắn qua Zalo trao đổi việc mua bán ma tuý giữa T và R; điện thoại của Lan A có tin nhắn qua ứng dụng Tiktok giữa P có tên "Bôn Chapi" và Lan A về việc rủ sử dụng ma tuý.

Ngày 11.02.2026, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiến hành phong toả số tài khoản 104871927196 mở tại ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đ theo Lệnh phong toả tài khoản số 355/LPT-CSMT ngày 23.01.2026.

* Tại Cáo trạng số 53/CT-VKSDNG-KV ngày 25 tháng 04 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Trần Lan A, Nguyễn Công Hoàng P1 bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng truy tố về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Mộng T về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Đối với Phan Mộng T

+ Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Mộng T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Mộng T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Mộng T chấp hành hình phạt chung của 02 tội.

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Viết P từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đình V từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Minh T1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Điều 5, Điều 12, Điều 115, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Trần Lan A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 5, Điều 12, Điều 115, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Nguyễn Công Hoàng P1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn, đường kính 18 cm và bao gói mẫu hoàn trả trong 01 bì giấy dán kín được niêm phong ký hiệu D;

+ 01 (một) túi ni lông niêm phong bên trong có 06 chai nhựa và bao gói mẫu nước tiểu ký hiệu TR, P, LA, HP, T, V hoàn trả sau giám định kèm theo Kết luận giám định số 1334 ngày 18.11.2025 của Phòng K1 Công an thành phố Đ;

+ 01 (Một) bì giấy dán kín được niêm phong ký hiệu M (M1, M2) chứa mẫu vật hoàn trả và vỏ bao gói mẫu theo Quyết định trưng cầu giám định số 13308/QĐ-CSMT ngày 11/11/2025 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng;

+ 01 (một) loa màu đen;

+ 01 (một) laptop hiệu Asus, màu xám đen;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 351687740433676 của Phan Mộng T.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 353094102327125 của Phan Viết P.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 359944958980027 của Trần Lan A.

- Trả lại cho Nguyễn Công Hoàng P1 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 35883259895603.

- Trả lại cho Phan Viết P 01 (một) thẻ sinh viên đại học D2 tên Phan Viết P.

- Truy thu số tiền bị cáo Phan Mộng T thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm triệu đồng).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Lan A, Nguyễn Công Hoàng P1 thống nhất với cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phan Mộng T, Phan Viết P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình V, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Mộng T xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Phan Mộng T, Phan Viết P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình V, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Mộng T, Phan Viết P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình V, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 00 giờ ngày 10/11/2025, tại phòng 602 căn hộ S, đường T, phường H, TP ., Cơ quan Công an phát hiện các bị cáo Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A, Phan Mộng T có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý cho nhau. Quá trình điều tra xác định, Phan Viết P rủ Nguyễn Đình V sử dụng ma túy thì V đồng ý và hứa hẹn góp tiền mua ma túy. Sau đó, Phan Viết P liên hệ Phan Mộng T để mua ma túy và rủ T cùng sử dụng ma túy. Phan Viết P tiếp tục liên hệ Trần Lan A để rủ sử dụng ma túy và Lan A rủ Nguyễn Công Hoàng P1 cùng đi chung. Tất cả các bị cáo tập trung tại phòng 602 căn hộ số 15 do Nguyễn Minh T1 thuê để lưu trú cùng P. Tại đây, Nguyễn Minh T1 dùng thẻ nhựa kẻ ma tuý Ketamine, Nguyễn Công Hoàng P1 bẻ 02 viên thuốc lắc ra thành nhiều mảnh nhỏ và dùng tờ tiền từ P để quấn ống hút cho cả nhóm sử dụng. Khi sử dụng hết ma túy, Nguyễn Đình V và Nguyễn Minh T1 đi học thì Phan Mộng T khởi xướng việc tiếp tục mua ma túy về sử dụng và góp 600.000 đồng. Trần Lan A đồng ý cho Phan Viết P cầm lắc tay bằng vàng của Lan A để tiếp tục mua ma túy. Khi P và T lấy về, vừa đi vào phòng để chuẩn bị tổ chức sử dụng ma tuý thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 1,464 gam ma tuý Ketamine và 4,233 gam ma tuý Methamphetamine, MDMA và Ketamine chưa kịp sử dụng và các dụng cụ sử dụng ma tuý.

Riêng bị cáo Phan Mộng T là người bán ma túy cho Phan Viết P, thu lợi bất chính số tiền 1.100.000 đồng và có hành vi tàng trữ 3,522 gam ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine tại phòng thứ hai, tầng 4, căn hộ S A, phường A, thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phan Mộng T, Phan Viết P, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Đình V, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A bị truy tố về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phan Mộng T bị truy tố về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số 53/CT-VKSDNG-KV ngày 25 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A, Phan Mộng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm và tệ nạn trong xã hội, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình

an ninh trật tự trên địa bàn thành phố. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ tác hại của ma túy đối với đời sống xã hội và quy định của Nhà nước là nghiêm cấm mọi hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm.

Về vai trò của các bị cáo Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A, Phan Mộng T đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn vì giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc từ trước cũng như không phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Trong đó, Phan Viết P là người khởi xướng, rủ các bị cáo V, Lan A sử dụng ma túy, liên hệ bị cáo Phan Mộng T mua ma tuý và sau đó rủ T cùng sử dụng, cung cấp dụng cụ sử dụng, xào ma tuý Ketamine. Nguyễn Đình V sau khi được P rủ thì thống nhất và đồng ý góp tiền mua ma tuý cho cả nhóm sử dụng. Nguyễn Minh T1 dùng thẻ nhựa kẻ ma tuý Ketamine, cung cấp địa điểm để mọi người sử dụng. Nguyễn Công Hoàng P1 sau khi được Trần Lan A rủ thì tham gia và có hành vi bẻ 02 viên thuốc lắc ra thành nhiều mảnh nhỏ và dùng tờ tiền từ P để quấn ống hút cho cả nhóm sử dụng. Phan Mộng T là người khởi xướng việc tiếp tục mua ma túy về sử dụng và góp 600.000 đồng mua ma tuý. Trần Lan A đồng ý cho Phan Viết P cầm lắc tay bằng vàng của Lan A để tiếp tục mua ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

HĐXX xét thấy, các bị cáo Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A, Phan Mộng T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để khi xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về quyết định hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án, bị cáo Phan Viết P là người khởi xướng, giữ vai trò tích cực trong việc mua ma túy, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng và rủ các bị cáo V, T, Lan A sử dụng trái phép chất ma túy nên mức hình phạt của bị cáo là cao nhất. Các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Phan Mộng T đóng vai trò tích cực trong việc góp tiền, hứa hẹn góp tiền, cung cấp địa điểm và xào ma túy để cả nhóm sử dụng nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo P và bằng nhau là phù hợp.

Các bị cáo Trần Lan A, Nguyễn Công Hoàng P1 tại thời điểm phạm tội là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Trong đó, bị cáo Trần Lan A rủ bị cáo Nguyễn Công Hoàng P1; đưa lắc tay bằng vàng để bị cáo P cầm, tiếp tục mua ma túy về sử dụng. Bị cáo Nguyễn Công Hoàng P1 có vai trò hạn chế hơn, chỉ giúp sức bẻ ma túy, quấn ống hút; hiện nay đang

nuôi con nhỏ. Do đó, mức hình phạt của bị cáo Lan A cao hơn bị cáo P1 là phù hợp.

Ngoài ra, bị cáo Phan Mộng T phải chịu trách nhiệm hình sự riêng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

HĐXX xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra nên việc người bào chữa của bị cáo Trần Lan A, Nguyễn Công Hoàng P1 đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là không phù hợp. Xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung đối với xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn, đường kính 18 cm và bao gói mẫu hoàn trả trong 01 bì giấy dán kín được niêm phong;

+ 01 (Một) bì giấy dán kín được niêm phong ký hiệu M (M1, M2) chứa mẫu vật hoàn trả và vỏ bao gói mẫu theo Quyết định trưng cầu giám định số 13308/QĐ-CSMT ngày 11/11/2025 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ;

+ 01 (Một) túi ni lông niêm phong bên trong có 06 chai nhựa và bao gói mẫu nước tiểu ký hiệu TR, P, LA, HP, T, V hoàn trả sau giám định kèm theo Kết luận giám định số 1334 ngày 18.11.2025;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ;

Đối với ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy theo như quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Đối với các vật chứng khác không có giá trị sử dụng nên cần phải tuyên tịch thu tiêu hủy theo như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với các vật chứng gồm:

+ 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng;

+ 01 (một) loa màu đen;

+ 01 (một) laptop hiệu Asus, màu xám đen;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 351687740433676 của Phan Mộng T.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 353094102327125 của Phan Viết P.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 359944958980027 của Trần Lan A.

Các tài sản nêu trên có liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 35883259895603 của Nguyễn Công Hoàng P1 không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần trả lại cho Nguyễn Công Hoàng P1.

- Đối với 01 (một) thẻ sinh viên đại học D2 tên Phan Viết P là giấy tờ cá nhân nên cần trả lại cho Phan Viết P.

- Phan Mộng T thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm triệu đồng) từ việc bán ma túy cho Phan Viết P nên cần phải truy thu sung công quy Nhà nước.

[7] Đối với Phan Ngô Vũ H2 có hành vi quan hệ tình dục với Nguyễn Công Hoàng P1 (lúc P1 14 tuổi) và P1 tự nguyện. Tại thời điểm quan hệ tình dục H2 cũng 14 tuổi nên không cấu thành tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên R bán ma tuý cho T, hiện không xác định được nhân thân; tài khoản ngân hàng TMCP N6 (V2) số 1059922064 đứng tên Lê Thị M (sinh năm: 2002; HKTT: số A, thôn M, xã H, thành phố Hà Nội) và tài khoản ngân hàng TMCP Đ1 số 8806655663 đứng tên Nguyễn Hữu L1 (sinh năm: 1999; HKTT: Ấp B, xã C, thành phố Đà Nẵng), có phát sinh giao dịch nhận tiền từ Phan Mộng T liên quan đến việc mua ma túy của R. Qua xác minh, M và L1 là người trực tiếp mở tài khoản nhưng đã cho người khác thuê lại tài khoản để hưởng lợi; toàn bộ việc nhận, chuyển tiền người thuê điều khiển, M, L1 không biết mục đích sử dụng, không quen biết Phan Mộng T hay đối tượng "Rym". Hiện chưa đủ căn cứ để xử lý đối với các đối tượng trên nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ sẽ tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là có cơ sở.

Đối với chủ căn hộ số 15 do Công ty Cổ phần V3 đứng tên đăng ký kinh doanh, người đứng đầu là Hoàng Thị L2 được giao nhiệm vụ quản lý, ký kết hợp đồng cho thuê. Lúc xảy ra sự việc, bà L2 không biết việc T1 cùng các bạn tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã chuyển hồ sơ để xử lý theo quy định là có cơ sở.

[8] Ngoài các tài sản đã bị tịch thu sung ngân sách nhà nước thì bị cáo Phan Mộng T không có tài sản nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

*** Đối với Phan Mộng T:**

- Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Mộng T 07 (B2) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Mộng T 03 (Ba) năm 06 (S) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Phan Mộng T phải chấp hành là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10.11.2025.

*** Đối với Phan Viết P:**

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Viết P 08 (T5) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10.11.2025.

*** Đối với Nguyễn Đình V:**

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình V 07 (B2) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11.11.2025.

*** Đối với Nguyễn Minh T1:**

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Minh T1 07 (B2) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11.11.2025.

*** Đối với Trần Lan A:**

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 5, Điều 12, Điều 115, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Trần Lan A 04 (B3) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10.11.2025.

*** Đối với Nguyễn Công Hoàng P1:**

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 5, Điều 12, Điều 115, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Nguyễn Công Hoàng P1 03 (Ba) năm 06 (S) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

2.1 Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn, đường kính 18 cm và bao gói mẫu hoàn trả trong 01 bì giấy dán kín được niêm phong ký hiệu D;

+ 01 (một) túi ni lông niêm phong bên trong có 06 chai nhựa và bao gói mẫu nước tiểu ký hiệu TR, P, LA, HP, T, V hoàn trả sau giám định kèm theo Kết luận giám định số 1334 ngày 18.11.2025 của Phòng K1 Công an thành phố Đ;

+ 01 (Một) bì giấy dán kín được niêm phong ký hiệu M (M1, M2) chứa mẫu vật hoàn trả và vỏ bao gói mẫu theo Quyết định trưng cầu giám định số 13308/QĐ-CSMT ngày 11/11/2025 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ;

2.2 Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng;

+ 01 (một) loa màu đen;

+ 01 (một) laptop hiệu Asus, màu xám đen;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 351687740433676 của Phan Mộng T.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 353094102327125 của Phan Viết P.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 359944958980027 của Trần Lan A.

23. Trả lại cho Nguyễn Công Hoàng P1 01 (một) điện thoại di động Iphone có số IME1: 35883259895603.

2.4 Trả lại cho Phan Viết P 01 (một) thẻ sinh viên đại học D2 tên Phan Viết P.

(Toàn bộ vật chứng trên đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa Ph òng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ).

2.5 Truy thu số tiền bị cáo Phan Mộng T thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm triệu đồng).

2.6. Đề nghị mở phong tỏa toàn bộ số tiền 36.536 đồng (và tiền lãi nếu có) trong tài khoản số 104871927196 của Phan Mộng T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 355/LPT-CSMT ngày 23.012026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ), yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Đ chuyển toàn bộ số tiền nêu trên về tài khoản của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đà Nẵng để phục vụ cho công tác thi hành án. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án, số tiền còn lại (nếu có) hoàn trả lại cho bị cáo Phan Mộng T.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Phan Viết P, Nguyễn Đình V, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Công Hoàng P1, Trần Lan A, Phan Mộng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 01 – Công an TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TAND KHU VỰC 1

JNJ070726.TL.QDBA 1726

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trinh